

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 – 4 - 2024  
V/v: “Tranh chấp không công  
nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Duy Bảo

2. Bà Trần Nguyệt Mai

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Nguyễn Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:* Bà Trần Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc: “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Hồng N**, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt)  
Địa chỉ thường trú: Căn hộ B1 – 10 – 02 (10.02), chung cư Lê Thành, khu B, đường số 4, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tạm trú: 63 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt)  
Địa chỉ: **1 H, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2024, 02 bản tự khai ngày 01 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn – bà **Huỳnh Thị Hồng N** trình bày:

Bà **N** và ông **Nguyễn Ngọc T** tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ đầu năm 2019 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà **N** và ông **T** có với nhau 01 người con chung tên **Nguyễn Minh Đ** (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2022. Bà **N** và ông **T** có tiến hành làm giấy khai sinh cho bé **Nguyễn Minh Đ** tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B theo Giấy khai sinh số 65/GKS-BS ngày 10/02/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, đôi bên đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Nay nhận thấy giữa vợ chồng đã không còn sự tôn trọng lẫn nhau, tình cảm cũng vì thế mà không thể hàn gắn được nên bà **N** đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **N** và ông **Nguyễn Ngọc T** để bà **N** ổn định cuộc sống.

Về vấn đề con chung: Bà **N** và ông **T** có với nhau một người con chung là trẻ **Nguyễn Minh Đ** (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2022. Bà **N** yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Bà **N** yêu cầu ông **Nguyễn Ngọc T** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), bắt đầu thực hiện cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng bắt đầu từ tháng 5 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng sẽ do bà **N** và ông **T** tự thực hiện hoặc tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp hạn chót thời hạn cấp dưỡng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ mà không thể thực hiện được việc cấp dưỡng thì việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện vào ngày ngay làm việc tiếp theo sau đó.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **N** tự khai giữa bà và ông **T** không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Tờ tự khai ngày 01 tháng 4 năm 2024, bị đơn – ông **Nguyễn Ngọc T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **T** đồng ý việc Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Huỳnh Thị Hồng N** và ông **T** vì hiện nay vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm.

- Về con chung: Ông **Nguyễn Ngọc T** xác định giữa ông **T** và bà **N** có 01 (một) người con chung tên **Nguyễn Minh Đ** (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2022. Ông **T** và bà **N** có tiến hành làm giấy khai sinh cho bé **Nguyễn Minh Đ** tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B theo Giấy khai sinh số 65/GKS-BS ngày 10/02/2022. Ông **T** đồng ý giao con cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **T** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) một tháng. Ông **T** sẽ thực hiện cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng bắt đầu thực hiện từ tháng 5 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng sẽ do ông và bà **N** tự thực hiện hoặc tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp hạn chót thời hạn cấp dưỡng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ mà không thể thực

hiện được việc cấp dưỡng thì việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện vào ngay ngày làm việc tiếp theo sau đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Hồng N và ông Nguyễn Ngọc T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án. Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Hồng N, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Hồng N và ông Nguyễn Ngọc T. Về con chung: Bà N và ông T có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2022. Bà N và ông T có tiến hành làm giấy khai sinh cho bé Nguyễn Minh Đ tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B theo Giấy khai sinh số 65/GKS-BS ngày 10/02/2022. Theo sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề con chung thì đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Minh Đ cho bà Huỳnh Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) một tháng vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 5 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Đôi bên tự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Hồng N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Nguyễn Ngọc T phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con với ông Nguyễn Ngọc T, do đó quan hệ tranh chấp thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Ông T có địa chỉ tại số A đường H, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn - bà **Huỳnh Thị Hồng N** và bị đơn - ông **Nguyễn Ngọc T** đều có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01 tháng 4 năm 2024. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà **N**, ông **T** theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà **Huỳnh Thị Hồng N**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Việc bà **Huỳnh Thị Hồng N** và ông **Nguyễn Ngọc T** sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không thực hiện các quy định pháp luật về đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình tại cơ quan chức năng là vi phạm pháp luật hôn nhân gia đình. Bà **N** cũng đồng thuận về việc không công nhận quan hệ vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận bà **Huỳnh Thị Hồng N** và ông **Nguyễn Ngọc T** là vợ chồng.

[3.2] Về con chung:

Bà **Huỳnh Thị Hồng N** và ông **Nguyễn Ngọc T** cùng xác nhận Bà **N** và ông **T** có với nhau 01 người con chung tên **Nguyễn Minh Đ** (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2022. Bà **N** và ông **T** có tiến hành làm giấy khai sinh cho bé **Nguyễn Minh Đ** tại Ủy ban nhân dân phường **A**, quận **B** theo Giấy khai sinh số 65/GKS-BS ngày 10/02/2022.

Xét việc nuôi dưỡng con chung, khoản 3 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao trẻ **Nguyễn Minh Đ** (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2022 cho bà **Huỳnh Thị Hồng N** trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà **N** yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng; ông **T** cũng đồng ý với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **N** về việc ông **T** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Các bên đã tự thỏa thuận việc cấp dưỡng sẽ từ ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 5 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng sẽ do bà **N** và ông **T** tự thực hiện hoặc tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp hạn chót thời hạn cấp dưỡng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ mà không thể thực hiện được việc cấp dưỡng thì việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện vào ngay ngày làm việc tiếp theo sau đó.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Huỳnh Thị Hồng N** và ông **Nguyễn Ngọc T** đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn là bà **Huỳnh Thị Hồng N** chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng. Ông **Nguyễn Ngọc T** chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 55, Điều 56, Điều 57, khoản 3 Điều 51, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án Dân sự.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà **Huỳnh Thị Hồng N**.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Huỳnh Thị Hồng N** và ông **Nguyễn Ngọc T**.

2. Về con chung: bà Huỳnh Thị Hồng N và ông Nguyễn Ngọc T có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày 18/01/2022 theo Giấy khai sinh số 65/GKS-BS ngày 10/02/2022 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B cấp. Giao con chung là trẻ Nguyễn Minh Đ cho bà Huỳnh Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) một tháng vào ngày 01 đến ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 5 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có căn cứ chấm dứt việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng sẽ do bà N, ông T tự thực hiện hoặc tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp hạn chót thời hạn cấp dưỡng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ mà không thể thực hiện được việc cấp dưỡng thì việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện vào ngay ngày làm việc tiếp theo sau đó.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Hồng N và ông Nguyễn Ngọc T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BLTU/23P 0036069 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị Hồng N đã thực hiện xong. Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Hồng N và ông Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nơi

**THẨM PHÁN**

- TAND Tp. HCM;  
- VKSND Quận 5;

**nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**Đỗ Thị Ngọc Bích**